

# KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CHO VIỆT NAM

TS. Đặng Văn Hải

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nghệ An

Mai Thị Mai

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Email: maimai1287@gmail.com.

**Tóm tắt:** Chuyển đổi số đang tác động mạnh mẽ đến hoạt động dạy học, quản trị và đánh giá ở tiểu học, qua đó đặt ra yêu cầu phát triển kỹ năng học tập như nền tảng của năng lực tự học suốt đời. Bài báo sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu và phân tích kinh nghiệm quốc tế về phát triển kỹ năng học tập cho học sinh tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số theo các trục chính gồm phương pháp dạy học, hình thức tổ chức học tập, đánh giá hỗ trợ học tập, sử dụng công cụ số và AI, cùng các điều kiện bảo đảm triển khai. Kết quả cho thấy các tiếp cận hiệu quả thường tích hợp kỹ năng học tập vào nhiệm vụ học tập thực, chú trọng dạy chiến lược học và tự điều chỉnh, tăng cường phản hồi kịp thời gắn tiêu chí rõ, đồng thời khai thác nền tảng học tập số để theo dõi tiến bộ và hỗ trợ phân hoá. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất một số định hướng cho Việt Nam về chuẩn hoá hệ thống kỹ năng học tập theo cấp lớp, đổi mới đánh giá theo tiến trình, phát triển học liệu và nền tảng dùng chung và bồi dưỡng giáo viên dựa trên minh chứng lớp học.

**Từ khóa:** Học sinh tiểu học, kỹ năng học tập, chuyển đổi số.

Nhận bài: 18/01/2026; Biên tập: 19/01/2026; Phản biện: 21/01/2026; Duyệt đăng: 25/01/2026.

## 1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, tạo ra những thay đổi căn bản trong dạy học, quản trị và đánh giá ở bậc tiểu học thông qua học liệu số, hệ thống quản lí học tập, lớp học đa phương thức và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Ở Việt Nam, các chính sách như Quyết định 749/QĐ-TTg (2020) và 1282/QĐ-BGDĐT (2022) đã định hướng phát triển năng lực, kỹ năng thích ứng môi trường số cho người học. Trong bối cảnh đó, kỹ năng học tập (KNHT) giữ vai trò trung tâm, góp phần nâng cao kết quả học tập, hình thành năng lực tự học suốt đời và phát triển toàn diện cho học sinh tiểu học (HSTH). Thực tiễn cho thấy, việc rèn luyện KNHT giúp học sinh học hiệu quả, tự tin, chủ động và chuyển tiếp thuận lợi giữa các bậc học.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, KNHT của HSTH không chỉ dừng ở các thao tác truyền thống mà cần được mở rộng phù hợp với mục tiêu Chương trình GDPT 2018 và đặc trưng môi trường số. KNHT bao gồm cả kỹ năng nhận thức, tổ chức học tập và năng lực học tập số như tìm kiếm, chọn lọc, kiểm chứng thông tin, sử dụng công nghệ và AI an toàn, có trách nhiệm.

Việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế là cần thiết nhằm nhận diện các mô hình, giải pháp hiệu quả; làm rõ điều kiện triển khai như chương trình, bồi dưỡng giáo viên, hạ tầng, quản lí và đánh giá. Qua đó, có thể rút ra bài học phù hợp cho Việt Nam, tránh triển khai dàn trải, nâng cao hiệu quả. Nghiên cứu này vì vậy có ý nghĩa cả về lí luận và thực tiễn, góp phần đổi mới dạy học, đánh giá theo hướng phát triển năng lực, bảo đảm hiệu quả và công bằng trong môi trường học tập số.

## 2. Nội dung nghiên cứu

**2.1. Khái niệm kỹ năng học tập và phát triển KNHT cho HSTH trong bối cảnh chuyển đổi số**

Kỹ năng được hiểu là năng lực hành động có thể học được, hình thành qua rèn luyện có chủ đích, thể hiện ở việc vận dụng kiến thức, thái độ và các điều kiện cá nhân để thực hiện nhiệm vụ hiệu quả trong bối cảnh cụ thể. Trong bài viết này, kỹ năng là hành động tự giác nhằm đạt mục tiêu xác định thông qua việc lựa chọn, vận dụng tri thức và các điều kiện tâm - sinh lí cá nhân. KNHT là dạng hành động tự giác nhằm đạt mục tiêu học tập, giúp phát triển năng lực cá nhân thông qua việc sử dụng các chiến lược nhận thức, hành vi và huy động các thuộc tính tâm lí; KNHT gồm nhiều kỹ năng thành phần và có vai trò quyết định đến kết quả học tập.

Chuyển đổi số (CĐS), theo OECD và Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam (2020), là quá trình tích hợp công nghệ số làm thay đổi cách sống, làm việc và sản xuất. Trong giáo dục, CĐS là việc ứng dụng công nghệ và dữ liệu số nhằm nâng cao chất lượng dạy học, quản trị, đổi mới phương pháp, tăng cường tương tác và xây dựng hệ sinh thái học tập linh hoạt.

Trong bối cảnh này, KNHT của HSTH là khả năng vận dụng tri thức, kinh nghiệm để giải quyết nhiệm vụ học tập với sự hỗ trợ của công nghệ số. Phát triển KNHT là quá trình có tổ chức, giúp học sinh học tập chủ động, hiệu quả và hình thành nền tảng học tập suốt đời.

**2.2. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển kỹ năng học tập cho HSTH trong bối cảnh chuyển đổi số**

Trong bối cảnh CĐS, môi trường học tập ở bậc tiểu học ngày càng đa dạng với nhiều phương thức, không gian học được mở rộng ra ngoài lớp học và

tương tác, phản hồi trong quá trình học tập diễn ra thường xuyên hơn. Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo chủ yếu được sử dụng như phương tiện hỗ trợ tổ chức dạy học và theo dõi tiến trình học tập, trong khi trọng tâm phát triển vẫn là KNHT của học sinh, nền tảng của năng lực tự học. Nội dung sau sẽ trình bày các cách tiếp cận và con đường mà các quốc gia vận dụng để phát triển KNHT cho HSTH trong tiến trình dạy học, tập trung vào thiết kế nhiệm vụ, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động và cơ chế theo dõi sự tiến bộ của học sinh.

*\* Phương pháp dạy học phát triển kỹ năng học tập*

Các nghiên cứu và thực tiễn triển khai ở nhiều hệ thống giáo dục cho thấy KNHT của HSTH phát triển hiệu quả khi dạy học đồng thời đáp ứng hai yêu cầu: thiết kế nhiệm vụ đủ mở để học sinh phải vận dụng các thao tác học tập như lập kế hoạch, theo dõi, điều chỉnh, hợp tác và tự đánh giá; đồng thời giáo viên hướng dẫn chiến lược học tập một cách tường minh thông qua làm mẫu, gợi mở, luyện tập có hướng dẫn và giảm dần hỗ trợ. Cách tiếp cận này giúp KNHT hình thành như thói quen hằng ngày, gắn chặt với nội dung môn học và phù hợp với môi trường học tập đa phương thức trong bối cảnh CĐS.

Nhiều khuyến nghị nhấn mạnh dạy chiến lược học và tự điều chỉnh theo quy trình xác định mục tiêu, thực hiện, theo dõi và đánh giá. Đồng thời chuyển dần trách nhiệm học tập từ giáo viên sang học sinh theo tiến trình làm mẫu, thực hiện có hướng dẫn và thực hiện độc lập qua đó tăng mức độ tự chủ và tự quản của người học. Các hệ thống giáo dục cũng coi dạy chiến lược gắn với kỹ năng nền tảng, đặc biệt là đọc hiểu ở bậc đầu cấp, là hướng ưu tiên; giáo viên cần hướng dẫn trực tiếp một số chiến lược hiểu văn bản và tổ chức cơ hội luyện tập trong hoạt động đọc, thảo luận và viết. Trong tổ chức triển khai ở một số địa phương, các biện pháp dạy học đã được chứng minh hiệu quả như thiết lập mục tiêu, cấu trúc bài học, sử dụng ví dụ mẫu, đặt câu hỏi và phản hồi được hệ thống hóa thành hướng dẫn thống nhất, qua đó góp phần phát triển KNHT của học sinh ngay trong lớp học.

Kỹ năng học tập phát triển mạnh khi học sinh thường xuyên tham gia các nhiệm vụ đòi hỏi tìm tòi, giải quyết vấn đề và tạo sản phẩm, qua đó buộc HSTH phải đặt câu hỏi, tìm và xử lý thông tin, thử nghiệm cách làm, đối chiếu tiêu chí và chỉnh sửa. Nhiều hệ thống tổ chức nhiệm vụ theo chủ đề liên môn hoặc học qua hiện tượng/ vấn đề thực tiễn, tạo điều kiện để học sinh rèn xác định mục tiêu, phân công hợp tác, lựa chọn nguồn lực và đánh giá sản phẩm; trong khi đó, truyền thống dạy học toán theo hướng giải quyết vấn đề ở Nhật Bản cũng tạo môi trường tự nhiên để học sinh lập kế hoạch, tự kiểm tra và học từ chiến lược của bạn. Trong bối cảnh CĐS, học liệu đa phương thức và nền tảng học tập

có thể tăng cơ hội vận dụng, nhưng điểm cốt lõi vẫn là thiết kế nhiệm vụ và tiêu chí quá trình, giúp học sinh biết cần lập kế hoạch ra sao, theo dõi tiến độ thế nào và điều chỉnh khi gặp khó khăn.

Ngoài ra, học tập hợp tác chỉ phát huy tác dụng phát triển KNHT khi được tổ chức có cấu trúc với phân vai rõ ràng, quy ước phối hợp, tiêu chí đóng góp, cơ chế theo dõi tiến độ và phản hồi lẫn nhau. Khi đó, hoạt động hợp tác trở môi trường rèn luyện tự quản trong tương tác, giúp học sinh quản lý thời gian và trách nhiệm, tăng cường giao tiếp trong học tập và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời, hợp tác cũng tạo cơ hội để học sinh hình thành thói quen tự đánh giá và biết tìm kiếm trợ giúp phù hợp.

Cuối cùng, nhiều nghiên cứu khuyến nghị vận dụng các chiến lược củng cố học tập có cơ sở thực chứng, như ôn tập, luyện tập, tự giải thích và kiểm tra ngắn kèm phản hồi, nhằm tăng ghi nhớ bền vững và hình thành thói quen học tập hiệu quả, đặc biệt phù hợp với bậc tiểu học. Một số hệ thống triển khai can thiệp tăng cường theo chu kì dựa trên dữ liệu học tập, theo tiến trình đo nhanh, dạy chiến lược và nhiệm vụ phù hợp, phản hồi, điều chỉnh và lặp lại; qua đó hỗ trợ học sinh hình thành thói quen tự theo dõi tiến bộ và điều chỉnh cách học.

*\* Hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển kỹ năng học tập cho HSTH trong bối cảnh chuyển đổi số*

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy phát triển KNHT ở tiểu học không chỉ phụ thuộc vào phương pháp của từng bài dạy, mà còn dựa vào cách nhà trường và giáo viên tổ chức các hình thức học tập tạo cơ hội cho học sinh thực hành lặp lại những thao tác cốt lõi như lập kế hoạch, theo dõi tiến độ, tự điều chỉnh, hợp tác và phản tư. Trong bối cảnh CĐS, các hình thức này được hỗ trợ bởi học liệu đa phương thức, công cụ theo dõi tiến độ và cơ chế phản hồi nhanh. Tuy nhiên, hiệu quả vẫn phụ thuộc chủ yếu vào thiết kế sư phạm và cách thức tổ chức phù hợp với lứa tuổi.

Một nhóm hình thức phổ biến là tổ chức học theo nhóm nhỏ, dạy học theo trạm và các cấu trúc hợp tác trong lớp học. Học sinh luân phiên giữa các hoạt động giáo viên hướng dẫn trực tiếp, hoạt động độc lập và hoạt động có ứng dụng công nghệ; đồng thời tham gia hợp tác có cấu trúc với vai trò, quy ước phối hợp, mốc tiến độ và tiêu chí đóng góp rõ ràng. Nhờ đó, học sinh rèn kỹ năng quản lý thời gian, kiểm soát tiến độ, tự điều chỉnh trong tương tác và cải thiện sản phẩm qua góp ý, chỉnh sửa theo phản hồi.

Nhóm hình thức thứ hai tập trung vào các nhiệm vụ học tập có tính tìm tòi và sản phẩm, như học theo hướng tìm hiểu - nghiên cứu và học theo dự án. Học sinh được đặt trong chu trình học tập gồm đặt câu hỏi, tìm và xử lý thông tin, kiểm chứng, trình bày kết quả, tự đánh giá theo tiêu chí và điều chỉnh để nâng chất lượng sản phẩm. Đây là môi trường

thuận lợi để phát triển các thao tác học tập bậc cao như quản lý thông tin, giám sát hiểu biết và phản tư chiến lược học.

Nhóm hình thức thứ ba là tổ chức học kết hợp và hỗ trợ tăng cường dựa trên dữ liệu theo dõi tiến bộ. Học kết hợp giúp kết nối lớp học với tự học có hướng dẫn thông qua chuẩn bị trước bài, luyện tập và củng cố sau giờ học theo nhịp cá nhân, rồi quay lại lớp để thảo luận và nhận phản hồi; đồng thời, một số hệ thống triển khai hỗ trợ đa tầng theo mức độ đáp ứng, kết hợp dạy học phổ quát chất lượng với hỗ trợ theo nhóm nhỏ và chuyên sâu nhằm tạo thêm thời lượng cho luyện tập tập trung và phản hồi kịp thời, nhất là với học sinh cần hỗ trợ.

*\* Đánh giá hỗ trợ phát triển kỹ năng học tập cho HSTH trong bối cảnh chuyển đổi số*

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy đánh giá chỉ thực sự góp phần phát triển KNHT khi được tổ chức như một bộ phận của quá trình dạy học, giúp học sinh hiểu mục tiêu, theo dõi tiến độ và điều chỉnh cách học. Các tổng quan nghiên cứu khẳng định đánh giá vì học tập và phản hồi chất lượng có thể cải thiện kết quả học tập, đặc biệt khi gắn với điều chỉnh dạy học và tăng vai trò chủ động của học sinh trong tự theo dõi tiến bộ.

Trọng tâm của đánh giá hỗ trợ phát triển KNHT là làm rõ mục tiêu và tiêu chí, cung cấp phản hồi mô tả và tạo cơ hội cho HSTH tự kiểm tra, tự sửa trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Nhiều hệ thống nhấn mạnh phản hồi cần chỉ rõ học sinh đang ở đâu so với mục tiêu và bước tiếp theo cần thực hiện, thay vì chỉ cho điểm hoặc nhận xét chung. Đồng thời, phản hồi chỉ phát huy tác dụng khi phù hợp nhiệm vụ, kịp thời và tránh tạo gánh nặng hình thức.

Một biện pháp phổ biến là sử dụng bảng tiêu chí và thang mô tả mức độ với cấu trúc đơn giản, phù hợp lứa tuổi, để học sinh hiểu yêu cầu chất lượng và hình thành thói quen tự kiểm tra và tự chỉnh sửa. Một số hệ thống còn theo dõi KNHT và thói quen làm việc như một cấu phần xuyên môn, qua đó định hướng nhà trường và gia đình quan tâm đến cách học bên cạnh kết quả môn học, như trường hợp Ontario.

Bên cạnh đó, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng được coi là cơ chế quan trọng để phát triển tự điều chỉnh học tập, với điều kiện phải có tiêu chí rõ và quy trình phù hợp lứa tuổi để tránh hình thức. Hồ sơ học tập cũng được sử dụng để ghi nhận minh chứng quá trình như bản nháp, phản hồi, sửa bài và sản phẩm theo thời gian, phù hợp với đặc trưng của KNHT là thể hiện mạnh ở tiến trình và sự tiến bộ qua các lần thực hiện nhiệm vụ.

Trong bối cảnh CDS, dữ liệu từ nền tảng học tập như tiến độ, mức hoàn thành, dạng lỗi và mức đạt tiêu chí có thể hỗ trợ giáo viên phân hoá và hỗ trợ kịp thời. Tuy nhiên dữ liệu chỉ có ý nghĩa khi được diễn giải theo tiêu chí KNHT và dẫn đến điều chỉnh dạy học cụ thể.

*\* Sử dụng công cụ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ phát triển kỹ năng học tập cho HSTH*

Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo có ý nghĩa đối với phát triển KNHT khi được sử dụng như phương tiện hỗ trợ tổ chức dạy học, duy trì nề nếp học tập, tăng khả năng phản hồi kịp thời và tạo điều kiện để học sinh tự theo dõi tiến bộ. Cách tiếp cận này phù hợp với các định hướng quốc tế về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục, nhấn mạnh mục tiêu học tập là trung tâm, đồng thời đặt yêu cầu quản trị rủi ro và phát triển năng lực sử dụng có trách nhiệm.

Nhiều quốc gia phát triển nền tảng học tập và kho học liệu số bám chương trình nhằm hỗ trợ giáo viên giao nhiệm vụ, học sinh thực hiện và nhận phản hồi, qua đó rèn các thao tác tự học như chuẩn bị, quản lý thời gian, hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu và tự điều chỉnh. Singapore xây dựng Student Learning Space như một nền tảng quốc gia cung cấp học liệu và hỗ trợ tổ chức dạy học trong môi trường số. Một số hệ thống khác cũng duy trì công và kho học liệu số để mở rộng tiếp cận tài nguyên và tăng khả năng triển khai ở quy mô rộng.

Trong lớp học, công cụ số giúp làm rõ tiến trình học và tăng cơ hội phản hồi, đặc biệt phù hợp với tiểu học khi học sinh cần phản hồi ngắn, cụ thể và kịp thời để điều chỉnh cách học. Nền tảng học tập có thể lưu vết tiến độ hoàn thành, sản phẩm theo các phiên bản và mức đạt tiêu chí, giúp giáo viên phát hiện sớm khó khăn và tổ chức hỗ trợ phù hợp. Dữ liệu học tập như mức tham gia, tỷ lệ hoàn thành và dạng lỗi thường gặp chỉ thực sự có giá trị khi được diễn giải theo tiêu chí KNHT và chuyển hoá thành điều chỉnh nhiệm vụ, hướng dẫn hoặc hỗ trợ tăng cường.

Về trí tuệ nhân tạo, các khuyến nghị quốc tế thường định hướng AI chủ yếu ở vai trò hỗ trợ học tập và hỗ trợ giáo viên, như gợi ý học liệu, hỗ trợ phản hồi bản nháp, hỗ trợ phân hoá nhiệm vụ và cá thể hoá luyện tập. Tuy nhiên, việc sử dụng cần gắn với yêu cầu kiểm chứng đầu ra, bảo đảm trung thực học thuật và bảo vệ dữ liệu cá nhân. UNESCO nhấn mạnh tiếp cận lấy con người làm trung tâm, quản trị rủi ro và bảo đảm công bằng trong tiếp cận khi sử dụng AI tạo sinh trong giáo dục. Báo cáo của Hoa Kỳ cũng nhấn mạnh cơ hội cải thiện dạy học nhờ AI đi kèm yêu cầu quản trị về quyền riêng tư, thiên lệch và năng lực sử dụng AI trong nhà trường.

*\* Các điều kiện hỗ trợ phát triển kỹ năng học tập cho HSTH trong bối cảnh chuyển đổi số*

Để phương pháp dạy học, hình thức tổ chức và đánh giá thực sự thúc đẩy KNHT, nhà trường cần một số điều kiện hỗ trợ mang tính hệ thống. Các điều kiện này không thay thế yếu tố cốt lõi sư phạm, nhưng quyết định mức độ bền vững và khả năng nhân rộng của việc phát triển KNHT ở tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số.

Trước hết, năng lực nghề nghiệp của giáo viên

cần được củng cố theo hướng thiết kế học tập và phản hồi vì sự tiến bộ, bao gồm thiết kế nhiệm vụ, hướng dẫn chiến lược học có hướng dẫn, tổ chức tương tác nhóm nhỏ và vận dụng đánh giá vì học tập để tạo vòng lặp phản hồi và điều chỉnh. Đi kèm là cơ chế phát triển chuyên môn tại trường theo mô hình cộng đồng học tập, trong đó tổ, nhóm chuyên môn cùng thiết kế nhiệm vụ, quan sát và phản hồi, phân tích minh chứng và dữ liệu theo tiêu chí để điều chỉnh hỗ trợ theo nhóm nhu cầu.

Tiếp theo, phát triển KNHT hiệu quả đòi hỏi nhà trường thống nhất ngôn ngữ và kỳ vọng tối thiểu về các thao tác học tập như lập kế hoạch, theo dõi tiến độ, tự đánh giá và hợp tác, đồng thời bảo đảm cơ hội rèn luyện lặp lại trong nhiều môn học. Một số hệ thống còn theo dõi KNHT hoặc thói quen học tập như một cấu phần xuyên môn, giúp gia đình và nhà trường cùng tập trung vào quá trình học bên cạnh kết quả môn học.

Về nguồn lực và quản trị, hạ tầng số và học liệu cần đáp ứng nguyên tắc đủ dùng và an toàn, ưu tiên truy cập ổn định, học liệu bám chương trình, công cụ hỗ trợ giao nhiệm vụ, phản hồi và lưu vết, cùng hỗ trợ kỹ thuật tối thiểu để duy trì nề nếp học tập. Khi công cụ số và trí tuệ nhân tạo ngày càng hiện diện nhiều hơn, nhà trường cần tăng cường quản trị an toàn dữ liệu, đạo đức và liêm chính học thuật; các hướng dẫn quốc tế nhấn mạnh tiếp cận lấy con người làm trung tâm, quản trị rủi ro, minh bạch mục đích sử dụng và sử dụng phù hợp lứa tuổi. Đồng thời, phối hợp gia đình và nhà trường có vai trò quan trọng trong việc củng cố nề nếp học tập tại nhà, đặc biệt khi triển khai học kết hợp hoặc có thành phần tự học có hướng dẫn.

### 2.3. Một số định hướng cho Việt Nam về phát triển kỹ năng học tập cho HSTH trong bối cảnh chuyển đổi số

*Xác định vị trí trung tâm của KNHT trong phát triển năng lực tự học và học tập suốt đời ở cấp tiểu học.* Kinh nghiệm quốc tế cho thấy dù khác nhau về cách gọi và cách cấu trúc, các hệ thống giáo dục đều thống nhất ở điểm cốt lõi: KNHT là thành phần trung tâm của năng lực tự học, đặc biệt quan trọng ở tiểu học. Các khung tham chiếu quốc tế nhấn mạnh nhóm kỹ năng nhận thức và siêu nhận thức, cùng năng lực “học để học” và tự điều chỉnh như nền tảng để người học học tập hiệu quả trong nhiều bối cảnh. Vì vậy, trong triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông, cần coi KNHT là trục năng lực xuyên suốt, được hình thành liên môn, không gắn riêng với một môn học, nhằm tạo điều kiện cho HSTH phát triển cách học cùng với kết quả học tập.

*Chuẩn hoá và tiến trình hoá KNHT theo hướng gắn với chuẩn đầu ra hoặc khung năng lực, đồng thời cụ thể hoá thành các biểu hiện quan sát được trong lớp học.* Nhiều quốc gia thiết kế cơ chế xác định hệ thống KNHT bằng cách đặt chúng trong chuẩn đầu ra hoặc khung năng lực chung của

chương trình, sau đó cụ thể hoá thành các biểu hiện có thể quan sát trong hoạt động học và trong sản phẩm học tập. Cách làm này giúp KNHT trở thành mục tiêu chính thức của nhà trường, thống nhất ngôn ngữ chuyên môn trong tổ/nhóm và tăng tính liên tục giữa các lớp. Một số hệ thống còn theo dõi và phản hồi KNHT như một cấu phần riêng trong nhận xét, góp phần định hướng học sinh và gia đình quan tâm tới tiến bộ về cách học bên cạnh kết quả môn học. Từ đó, Việt Nam có thể hướng tới xây dựng mô tả KNHT theo cấp lớp, kèm bảng kiểm với các mức độ rõ ràng làm căn cứ cho dạy học và đánh giá thường xuyên.

*Phát triển KNHT thông qua nhiệm vụ học tập có thiết kế và hỗ trợ quá trình, kết hợp dạy chiến lược học theo quy trình và giảm dần hỗ trợ.* Xu hướng nổi bật cho thấy KNHT không hình thành bền vững nếu chỉ dừng ở các yêu cầu chung; thay vào đó, giáo viên cần tổ chức nhiệm vụ giàu cơ hội vận dụng để học sinh phải lập kế hoạch, theo dõi tiến độ, tự kiểm tra, điều chỉnh và phản tư. Đi kèm là hướng dẫn chiến lược học tập theo quy trình, dựa trên mô hình hoá, thực hành có hướng dẫn và giảm dần hỗ trợ để học sinh chuyển dần sang tự vận hành chiến lược. Vì vậy, định hướng triển khai ở Việt Nam nên ưu tiên: (i) thiết kế nhiệm vụ gắn mục tiêu và tiêu chí thành công rõ ràng; (ii) tích hợp công cụ tự theo dõi; (iii) tổ chức hoạt động phản tư cuối nhiệm vụ để học sinh rút kinh nghiệm và điều chỉnh cho lần học sau.

*Sử dụng đánh giá như một cơ chế thúc đẩy phát triển năng lực tự học, nhấn mạnh đánh giá vì học tập và minh chứng quá trình.* Kinh nghiệm quốc tế nhấn mạnh vai trò của đánh giá vì học tập trong việc làm rõ mục tiêu và tiêu chí, cung cấp phản hồi mô tả, tổ chức tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng có hướng dẫn, đồng thời ghi nhận tiến bộ theo thời gian bằng các minh chứng của quá trình học tập. Ở cấp hệ thống, các chính sách và khung đánh giá thường đề cao đánh giá lớp học nhằm theo dõi tiến bộ và điều chỉnh dạy học, qua đó hỗ trợ sự phát triển KNHT diễn ra thường xuyên và có mục tiêu. Vì vậy, Việt Nam có thể tăng cường: (i) thang mô tả mức độ KNHT dùng chung theo trường hoặc theo khối; (ii) minh chứng quá trình như phiếu tự đánh giá, bản thảo, các phiên bản chỉnh sửa, nhật ký học tập; (iii) phản hồi mô tả tập trung vào bước tiếp theo của cách học, không chỉ nhận xét kết quả đúng sai.

*Nhìn nhận chuyển đổi số và AI là bối cảnh và phương tiện hỗ trợ, không làm thay đổi bản chất KNHT, đồng thời bảo đảm sử dụng có trách nhiệm đối với trẻ em.* Nền tảng học tập, học liệu số và công cụ AI có thể tăng cường khả năng giao nhiệm vụ, phản hồi kịp thời, lưu vết quá trình và hỗ trợ phân hoá; tuy nhiên hiệu quả phụ thuộc vào việc công nghệ phục vụ trực tiếp các thao tác học tập cốt lõi như quản lý mục tiêu - thời gian, quản lý thông tin, tự kiểm tra - tự điều chỉnh và hợp tác học tập. Các

hướng dẫn quốc tế về trí tuệ nhân tạo nhấn mạnh tiếp cận lấy con người làm trung tâm, quản trị rủi ro và bảo đảm trách nhiệm giải trình, đặc biệt khi đối tượng là trẻ em. Do đó, định hướng cho Việt Nam cần nhấn mạnh: (i) tích hợp năng lực số/AI vào KNHT theo hướng hỗ trợ thao tác học tập cốt lõi; (ii) yêu cầu học sinh kiểm chứng thông tin, minh bạch mức sử dụng công cụ và chịu trách nhiệm với sản phẩm học tập; (iii) xây dựng quy tắc lớp học về an toàn dữ liệu, đạo đức số và liên chính học thuật phù hợp lứa tuổi.

### 3. Kết luận

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy phát triển KNHT cho HSTH trong bối cảnh CĐS cần được đặt như một trục trung tâm của đổi mới dạy học và đánh giá. Các tiếp cận hiệu quả thường tích hợp KNHT vào nhiệm vụ học tập thực, tăng cường học tập chủ động và tự điều chỉnh, mở rộng năng lực học tập số như tìm kiếm, chọn lọc, kiểm chứng thông tin và sử dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm. Điểm chung quan trọng là đánh giá vì sự tiến bộ người học với sự phản hồi kịp thời, kèm theo minh chứng học tập và năng lực tự đánh giá. Các kết quả cũng nhấn mạnh vai trò của điều kiện bảo đảm, gồm hạ tầng và học liệu số dùng chung, nền tảng quản lí học tập, quản trị dữ liệu và an toàn số, bồi dưỡng giáo viên dựa trên minh chứng lớp học. Từ đó gợi ý cho Việt Nam tập trung vào ba ưu tiên: 1) chuẩn hóa hệ thống KNHT của HSTH theo hướng liên thông theo cấp lớp và phù hợp Chương trình GDPT 2018; 2) tích hợp KNHT vào thiết kế bài học và tổ chức lớp học kết hợp, đồng thời đổi mới đánh giá theo tiến trình gắn phản hồi và hồ sơ học tập; 3) tăng cường điều kiện triển khai thông qua đầu tư hạ tầng và học liệu, bồi dưỡng giáo viên theo sản phẩm, phối hợp nhà trường và gia đình nhằm nâng cao hiệu quả và bảo đảm công bằng trong môi trường học tập số và học tập kết hợp.

Trong phạm vi bài báo, các kết luận chủ yếu dựa trên việc tổng quan tài liệu nghiên cứu và tìm hiểu thực tiễn. Thời gian tới, cần triển khai các nghiên cứu sâu hơn về phát triển KNHT cho HSTH trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam theo hướng khảo sát thực trạng tại KNHT của HSTH và quá trình giáo dục KNHT tại nhà trường, làm rõ nhu cầu và điều kiện triển khai, từ đó đề xuất các biện pháp phù hợp trong dạy học, tổ chức học tập và đánh giá ■

### Tài liệu tham khảo

- [1]. International Baccalaureate (2025). *Learning and teaching: Primary Years Programme (PYP)*. International Baccalaureate®.
- [2]. Ministry of Education Singapore (2023). *Desired Outcomes of Education*. Ministry of Education.
- [3]. Ministry of Education Singapore (2023). *Singapore Student Learning Space (SLS)*. Ministry of Education.
- [4]. Ministry of Education Singapore (2024). *21st Century Competencies*. Ministry of Education.
- [5]. Ministry of Education, Culture, Sports, Science and Technology (2023). *Basic plan for the promotion of education*. MEXT.
- [6]. National Governors Association Center for Best Practices, & Council of Chief State School Officers (2010). *Common Core State Standards for Mathematics*.
- [7]. New Zealand Ministry of Education (2007). *The New Zealand Curriculum*.
- [8]. OECD (2013). *Synergies for better learning: An international perspective on evaluation and assessment*. OECD Publishing.
- [9]. OECD (2019). *OECD Learning Compass 2030: OECD Future of Education and Skills 2030 (Concept note)*. OECD.
- [10]. Ontario Ministry of Education (2010). *Growing success: Assessment, evaluation, and reporting in Ontario schools*.

## International experiences on developing learning skills for the primary school students in the context of digital transformation and some directions for Vietnam

Dr. Dang Van Hai, Nghe An Provincial Department of Education and Training  
 Mai Thi Mai, Vietnam Institute of Educational Sciences  
 Email: maimai1287@gmail.com.

**Abstract:** Digital transformation is profoundly impacting teaching, administration, and assessment in the primary schools, thereby highlighting the need to develop learning skills as the foundation for lifelong self-learning. This paper uses a literature review and international experience analysis approach on developing learning skills for the primary school students in the context of digital transformation, focusing on the following main axes: teaching methods; learning organization formats; assessment and learning support; the use of digital tools and AI; and the conditions ensuring implementation. The results showed that effective approaches often integrate learning skills into actual learning tasks, focus on teaching learning strategies and self-regulation, enhance timely feedback with clear criteria, and leverage digital learning platforms to track progress and support differentiated learning. Based on this, the article proposes several directions for Vietnam regarding the standardization of learning skills systems by grade level, innovation in progress-based assessment, development of learning materials and shared platforms, and teacher training based on classroom evidence.

**Keywords:** Primary school students, study skills, digital transformation.